

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – VL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **88/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 24 – 12 - 2025.
Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VL**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:- Ông Trịnh Hồng Hà.

- Bà Âu Thị Kiều Sương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kinh Luân- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - VL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- VL tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 450/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025, về việc “ ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đoàn TP, sinh ngày 30/10/1977; CCCD số 083077009264, cấp ngày 26/3/2022, nơi cấp Cục trưởng CCSQLHC về TTXH.

Nơi thường trú: số 408, ấp Phước H, xã Phú An H (cũ). Nay là xã Giao L, tỉnh VL.

Bị đơn: Đỗ Thị Hồng N, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1977; Quốc tịch: Việt Nam.

Thẻ xanh số: 061077565 do Cơ quan thẩm quyền Hoa Kỳ cấp ngày 22/3/2010.

Địa chỉ cư trú: 2707 Madison Ave, Granite City, IL62040, Hoa Kỳ.

Người đại diện cho bị đơn nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: bà Phạm Kim X, sinh ngày 10/11/1956, nơi thường trú: 267/39, phường Phú Đ, Thành phố HCM (là mẹ đẻ của Đỗ Thị Hồng N).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/04/2025; bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2018 đăng ký ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Châu T, tỉnh Bến T; bản tự khai ngày 15/5/2023, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 01/4/2025, nguyên đơn ông Đoàn TP trình bày như sau:

Ông P và bà Đỗ Thị Hồng N tự nguyện kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Châu T, tỉnh Bến T đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 46/2018 vào ngày 30/10/2018.

Trong quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình hai bên không còn phù hợp, cách sống giữa hai bên không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã nghiêm trọng. Nay ông P xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: ông Đoàn TP yêu cầu được ly hôn với bà Đỗ Thị Hồng N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông P và bà Nhung không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Do các bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại ông P đang đi làm ăn xa nên không thể tham gia tố tụng, ông P xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án bao gồm tất cả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên xét xử của Tòa án.

* Tại Đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 16/10/2025 (bl 25) bị đơn bà Đỗ Thị Hồng N trình bày có nội dung như sau:

Hiện do bà bận nhiều việc cũng như khoảng cách địa lý nên bà xin vắng mặt tất cả các phiên hoà giải, công khai chứng cứ và xét xử. Qua yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn TP bà đồng ý ly hôn. Các vấn đề khác gồm con chung, tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng giữa vợ chồng bà thống nhất với những ý kiến của ông Đoàn TP và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Đoàn TP được ly hôn với bà Đỗ Thị Hồng N. Về con chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: ông P có nghĩa vụ chịu án phí 300.000đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa ông Đoàn TP và bà Đỗ Thị Hồng N là ly hôn, nguyên đơn ông P có địa chỉ số 408, ấp Phước Hoà, xã Phú An Hoà (cũ) nay là xã Giao L, tỉnh VL; bị đơn bà Đỗ Thị Hồng N có địa chỉ tại 2707 Madison Ave, Granite City, IL62040, Hoa Kỳ ở nước ngoài (Hoa Kỳ) nên căn cứ vào Điều 35, Điều 36, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, đã được sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025, Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - VL.

[2] Ông Đoàn TP và bà Đỗ Thị Hồng N đều có đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt họ là đúng quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn TP và bà Đỗ Thị Hồng N xác lập hôn nhân với nhau vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Châu T, tỉnh Bến T đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 46/2018 vào ngày 30/10/2018 nên hôn nhân giữa ông Đoàn TP và bà Đỗ Thị Hồng N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Ông P cho rằng sau khi kết hôn thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống giữa hai bên không phù hợp nhau nên thường xuyên cãi vã nghiêm trọng. Ông P sinh sống ở Việt Nam còn bà Đỗ Thị Hồng N sinh sống ở Hoa Kỳ.

Nay ông Đoàn TP và bà Đỗ Thị Hồng N đã xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên ông P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nhung. Do bà Nhung có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn ông P.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa ông Đoàn TP và bà Đỗ Thị Hồng N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống với nhau thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông Đoàn TP yêu cầu ly hôn với bà Đỗ Thị Hồng N và được bà Đỗ Thị Hồng N đồng ý là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đoàn TP.

[4] Về con chung: Ông Đoàn TP và bà Đỗ Thị Hồng N đều trình bày không có con chung nên Tòa án không xem xét và giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông Đoàn TP và bà Đỗ Thị Hồng N đều trình bày sẽ thỏa thuận riêng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét và giải quyết. Nếu có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[6] Về nợ chung: Ông Đoàn TP và bà Đỗ Thị Hồng N đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Tòa án không nhận được đơn yêu cầu độc lập của bên thứ ba nên không có cơ sở xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Ông Đoàn TP phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 35, Điều 36, Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273, Điều 469, Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Áp dụng Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ly hôn ông Đoàn TP được ly hôn với bà Đỗ Thị Hồng N. Quan hệ hôn nhân giữa ông Đoàn TP và bà Đỗ Thị Hồng N chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Đoàn TP và bà Đỗ Thị Hồng N đều trình bày không có con chung nên Tòa án không xem xét và giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Đoàn TP và bà Đỗ Thị Hồng N đều trình bày sẽ thỏa thuận riêng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét và giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Đoàn TP và bà Đỗ Thị Hồng N đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Đoàn TP phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà ông đã

nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008921 ngày 10/11/2025 tại Phòng thi hành án dân sự tỉnh VL.

6. Ông Đoàn TP được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bà Đỗ Thị Hồng N cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo bản án của Toà án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5 - VL;
- Thi hành án dân sự tỉnh VL;
- UBND xã Giao L, tỉnh VL;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ TAND Tỉnh VL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Loan